

TÌNH HÌNH ÚNG NGẬP Ở VÙNG LAK — BUÔN TRIẾT — BUÔN TRẤP — ĐỨC XUYÊN

PHAN THỊ NHÀI, NGUYỄN NGỌC KIÊM
Đài KTTV Đak Lak

Lak — Buôn Triết — Buôn Trấp — Đức Xuyên là vùng bồi tụ phù sa của 2 con sông Krông Ana và Krông Knô. Trung bình hàng năm nơi đây được bồi đắp thêm khoảng 40 000 tấn phù sa màu mỡ. Đặc điểm chung của vùng này là một bên giáp sông và một bên kề cận ngay vùng đồi núi cao. Địa hình phần lớn dạng lòng chảo — hơi cao ở ven sông, một số ít có độ dốc nghiêng ra sông. Do vậy, úng ngập ở đây là do nước sông dâng lên cao trong mùa lũ, nước mưa tại chỗ và ở trên cao dồn xuống.

Ngay sau ngày giải phóng, tỉnh Đak Lak đã chú trọng khai thác vùng này, song chưa nắm chắc quy luật lũ lụt, úng ngập nên không tránh khỏi những thua lỗ thất bại. Hiện nay tỉnh đã và đang có phương án xây dựng vùng chuyên canh lương thực ở đây. Đứng về góc độ KTTV, chúng tôi giới thiệu về tình hình lũ lụt, úng ngập ở vùng này.

I — TÌNH HÌNH MƯA

Lượng mưa trung bình nhiều năm (TBNN) đạt từ 1600 — 1800mm thuộc vào vùng có lượng mưa trung bình của lĩnh. Mùa mưa từ tháng V — XI chiếm trên 90% lượng mưa năm. Mùa khô từ tháng XII năm trước đến tháng IV năm sau chỉ gần 10%.

a) Mùa mưa

Thời kỳ tháng V đến giữa tháng VI chủ yếu là mưa rào vào chiều tối diện hẹp, lượng mưa bị tổn thất nhiều, cung cấp cho sông ngòi rất ít.

Từ cuối tháng VI — VIII gió mùa tây nam hoạt động ổn định kết hợp dải hội tụ nhiệt đới vắt ngang qua Trung Bộ, mưa đều hơn, với thời gian dài hơn và lượng cũng khá hơn. Lượng mưa một phần bị tổn thất, một phần cung cấp cho sông ngòi và gây úng ngập ở các vùng trũng thấp. Một số năm, tháng VIII mưa nhiều như năm 1978, 1986 đã gây ngập cả tới vùng bãi trung bình.

Từ tháng IX — XI trên nền chung của gió mùa tây nam còn có mưa do bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hoạt động ở ven biển miền Trung và gió mùa đông bắc (GMĐB) cường độ mạnh. Thời kỳ này thường có những đợt mưa lớn diện rộng tập trung trong vài ba ngày xen với những kỳ ít mưa. Lượng mưa do bão, ATNĐ, GMĐB là nguyên nhân chính gây ra những trận lũ lớn làm úng ngập nghiêm trọng ở vùng này.

b) Mùa khô

Thời kỳ đầu (tháng XII) còn mưa rải rác; thời kỳ giữa (tháng I – II) không mưa hoặc mưa với lượng không đáng kể, bề mặt khô hạn trầm trọng; thời kỳ cuối (tháng III, IV) đã có mưa rải rác. Tuy vậy, lượng mưa chưa vượt quá khả năng thấm của đất, mặt khác thời kỳ này lại nắng, nóng nhất trong năm, khả năng bốc hơi lớn, độ ẩm không khí giảm thấp và thường có những trận lốc tố, gió mạnh kèm theo mưa đá, mưa rào cường độ mạnh.

II – TÌNH HÌNH DÒNG CHẢY SÔNG NGÒI

Tổng lượng dòng chảy TBNN (1977 – 1986) của 2 sông Krông Ana và Krông Knô đạt xấp xỉ 6,2 tỉ m³. Trong đó sông Krông Knô (sông Bồ) đạt trên 3,6 tỉ m³, chiếm 58,7%; sông Krông Ana (sông Mẹ) gần 2,6 tỉ m³, chiếm 41,3%. Năm nhiều nước như năm 1981 đạt tới 9,4 tỉ m³ (Krông Ana đạt 4,6 tỉ m³, xấp xỉ 48,6%, Krông Knô đạt 4,8 tỉ m³, xấp xỉ 51,4%). Năm ít nước như năm 1982 chỉ đạt 5,41 tỉ m³ (Krông Ana đạt 1,94 tỉ m³ chiếm 35,9%, Krông Knô đạt 3,47 tỉ m³ chiếm 64,1%).

Krông Knô chi phối vùng Đức Xuyên – Buôn Trấp, chảy qua vùng chịu ảnh hưởng chủ yếu của khí hậu Tây Trường Sơn, nguồn gây mưa chính là gió mùa tây nam, nên lượng dòng chảy ổn định hơn (năm nhiều nước chỉ gấp gần 2 lần năm ít nước). Sông Krông Ana chi phối các vùng Lak – Buôn Triết – Buôn Trấp chảy qua vùng chịu ảnh hưởng khí hậu cả Đông và Tây Trường Sơn với ảnh hưởng sâu sắc của bão, ATNĐ, GMĐB mạnh nên dòng chảy biến động hơn (năm nhiều nước gấp hơn 3 lần năm ít nước). Phân phối dòng chảy của 2 con sông và tại Buôn Trấp được trình bày trong các bảng 1, 2, 3.

Bảng 1 – Phân phối dòng chảy sông Krông Ana (1977 – 1986)

Phân đoạn mùa	Thời gian (tháng)	Tỷ lệ so với dòng chảy cả năm (%)
Mùa lũ	IX – XII	69,3
3 tháng lũ lớn nhất	X – XII	58,3
Tháng lũ lớn nhất	XI	22,9
Mùa cạn	I – V	14,0
3 tháng cạn nhất	III – V	6,3
Tháng cạn nhất	IV	1,7
Mùa chuyển tiếp từ cạn sang lũ	VI – VIII	16,7

Bảng 2 – Phân phối dòng chảy sông Krông Knô (1978 – 1986)

Phân đoạn mùa	Thời gian (tháng)	Tỷ lệ so với dòng chảy cả năm (%)
Mùa lũ	VIII – XI	65,8
3 tháng lũ lớn nhất	VIII – X	53,1
Tháng lũ lớn nhất	X	19,7
Mùa cạn	XII – V	21,0
3 tháng cạn nhất	II – IV	6,8
Tháng cạn nhất	III	2,0
Mùa chuyển tiếp từ cạn sang lũ	VI – VII	14,0

Bảng 3 — Phân phối dòng chảy tại Buôn Tráp

Phân đoạn mùa	Thời gian (tháng)	Tỷ lệ so với dòng chảy cả năm (%)
Mùa lũ	VIII — XII	71,3
3 tháng lũ lớn nhất	IX — XI	49,6
Tháng lũ lớn nhất	X	19,3
Mùa cạn	I — V	15,4
3 tháng cạn nhất	II — IV	7,4
Tháng cạn nhất	IV	2,2
Mùa chuyển tiếp từ cạn sang lũ	VI — VII	13,3

III — TÌNH HÌNH ÚNG NGẬP

Hàng năm vùng Lak — Buôn Triết có mùa ngập chính từ tháng X — XII, vùng Đức Xuyên — Buôn Tráp từ tháng IX — XI trùng với các tháng có lũ lớn trong năm và một mùa ngập sớm từ tháng VI — VIII trùng với mùa chuyển tiếp từ mùa cạn sang mùa lũ.

Mùa ngập chính, hầu hết các vùng bãi đều bị ngập với mức: 3.0 — 5.0m ở các vùng thấp trũng, 1.0 — 3.0m ở các vùng bãi trung bình và dưới 1.0m ở các vùng bãi cao.

Mùa ngập sớm chủ yếu ngập các vùng bãi thấp và trung bình (với mức ngập 1.0 — 2.0m ở vùng thấp và dưới 1.0m ở vùng trung bình).

Mỗi một lần ngập thường kéo dài nhiều ngày gây trở ngại rất lớn cho công tác đồng ruộng và có thể bị mất trắng những diện tích lớn.

Từ tài liệu mực nước sông Krông Ana tại Giang Sơn, sông Krông Knô tại Đức Xuyên và mực nước tại Trạm Buôn Tráp, chúng tôi xác định được số ngày ngập lụt (bảng 4).

Bảng 4 cho thấy số ngày ngập ở các nơi có khác nhau tùy thuộc vào tính chất lũ của sông. Buôn Tráp, nơi chịu sự chi phối của cả 2 con sông có thời gian ngập dài nhất, kể đến là Lak — Buôn Triết chịu tác động của sông Krông Ana với đặc điểm lũ lên chậm, xuống chậm. Hai vùng này thiệt hại là do ngập lâu, lúa hoa màu bị thối rữa dưới làn nước lũ. Vùng Đức Xuyên chịu tác động chính của sông Krông Knô với đặc điểm lũ lên nhanh, xuống nhanh, tốc độ dòng chảy lớn — thời gian ngập ngắn hơn, song thiệt hại do cuốn trôi cũng không phải nhỏ.

Các bãi thấp của toàn khu vực từ tháng VI đã có khả năng bị ngập, tuy số ngày không nhiều. Các bãi trung bình và cao phải sang tháng VIII, IX mới bị ảnh hưởng, nhưng số ngày ngập cũng không nhiều (khoảng 0,1 — 6,6 ngày/tháng). Thời gian kết thúc ngập cũng tùy vùng, song đa số rơi vào trung và hạ tuần tháng XII.

Tuy nhiên, không phải năm nào cũng ngập lụt gây khó khăn cho sản xuất, mà có năm ngập nhiều, năm ngập ít. Năm ngập nhiều là năm 1971, vùng Lak — Buôn Triết — Buôn Tráp có thời gian ngập kéo dài trên 3 tháng ở cả các vùng thấp, trung bình và cao. Năm ngập ít như 1982 thì hầu như chỉ có vùng thấp trũng mới bị ngập ít ngày còn vùng bãi cao tuyệt đối an toàn. Có lũ lớn như năm 1981, cứ 9 — 10 năm mới xảy ra một lần và cỡ lũ nhỏ như 1982 thì 3 — 5 năm lại xảy ra một lần.

Bảng 4 - Số ngày ngập lụt.

Khu vực	Loại bãi		Tháng							Cả năm
			VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
Lak - Buôn Triết	Thấp	Số ngày %	2,4 3,11	1,5 1,94	6,9 8,94	13,0 16,84	22,5 29,14	19,2 24,57	11,7 15,16	77,2 100
	Trung bình	Số ngày %	— —	— —	— —	1,1 4,15	9,4 35,47	11,1 41,89	4,9 18,49	26,5 100
	Cao	Số ngày %	— —	— —	— —	0,3 3,16	3,5 36,84	4,4 46,32	1,3 13,68	9,5 100
Đức Xuyên	Thấp	Số ngày %	1,0 2,28	1,4 3,20	10,2 23,29	10,5 23,97	14,9 34,02	4,8 10,96	1,0 2,28	43,8 100
	Trung bình	Số ngày %	— —	— —	1,4 29,8	0,9 19,2	1,8 38,3	0,4 8,5	0,2 4,2	4,7 100
	Cao	Số ngày %	— —	— —	— —	0,1 14,29	0,6 85,71	— —	— —	0,7 100
Buôn Trấp	Thấp	Số ngày %	0,8 0,84	3,4 3,60	12,2 12,9	16,8 17,76	25,6 27,06	24,0 25,3	11,8 12,47	94,6 100
	Trung bình	Số ngày %	— —	— —	4,8 9,41	6,6 12,94	16,2 31,77	16,6 32,55	6,8 23,33	51,0 100
	Cao	Số ngày %	— —	— —	— —	0,6 4,0	7,2 48,0	7,2 48,0	— —	15,0 100

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

— Ngập úng vùng Lak - Buôn Triết - Buôn Trấp - Đức Xuyên do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- + Nước sông dâng cao trong mùa lũ
- + Nước do mưa tại chỗ và trên cao dồn xuống.
- + Địa hình phần lớn dạng lòng chảo khó thoát nước.

— Thời gian ngập úng bắt đầu và kết thúc sau mùa khí hậu khoảng một tháng (VI - XII) với các đỉnh cao vào tháng X, XI.

Mức ngập tùy loại bãi và thời gian, nói chung ở vào khoảng từ 0,5m đến trên 3,0m.

Vùng Lak - Buôn Triết - Buôn Trấp - Đức Xuyên là vùng lúa lớn nhất tỉnh Đak Lak, hàng năm được bồi lắng lượng phù sa khá lớn của sông Krông Ana và Krông Knô nên đất có độ phì cao. Điều kiện sinh thái toàn vùng rất thích hợp cho cây lúa. Theo số liệu của ngành Nông nghiệp, diện tích có khả năng để sản xuất lương thực, thực phẩm toàn vùng khoảng 15000 ha, nhưng hiện nay mới khai thác được 3000 - 4000ha và chủ yếu làm một vụ đông xuân. Việc khai hoang, tăng vụ, mở rộng diện tích ở vùng này gặp trở ngại chính là úng ngập dài ngày. Việc giải quyết tận gốc tình trạng ngập úng ở đây bằng biện pháp thủy lợi đòi hỏi đầu tư lớn và thời gian dài. Ở góc độ KTTV, qua phân tích số liệu quan trắc từ 1977 - 1986, chúng tôi có một số kiến nghị:

1) Muốn khai thác tốt vùng này trong những năm trước mắt buộc phải dựa vào đặc điểm KTTV, điều kiện địa hình từng khu vực để có phương án khai thác tối ưu thể hiện bằng các biện pháp canh tác và quản lý sản xuất. Theo chúng tôi ở các vùng bãi thấp trong điều kiện hiện nay chỉ có thể cấy một vụ đông xuân hoặc xuân hè, tùy nơi mà thời vụ có thể xê dịch chút ít: gieo mạ vào tháng XII đến hết tháng I ở các vùng cao hơn, cấy vào tháng II, tháng III. Dùng các giống ngắn ngày (NN7A, IR8423...) để có thể thu hoạch đầu tháng VI, tránh ngập sớm vào tháng VI.

2) Bãi trung bình và cao của toàn vùng có thời gian an toàn từ giữa tháng XII đến hết tháng VIII (năm sau) và trong tháng IX có ngập, song đa số các năm còn ngập ở mức thấp. Số ngày an toàn được trên dưới 300 ngày đủ thời gian bố trí làm 2 vụ lúa bằng các giống ngắn ngày. Thời vụ có thể như sau:

— Vụ đông xuân: làm đất và gieo mạ khi nước rút cuối tháng XII, cấy cuối tháng I — đầu tháng II (tuổi mạ 25 ngày) thu hoạch cuối tháng IV.

— Vụ mùa (hè thu): gieo mạ tháng IV, làm đất và cấy trong tháng V (tuổi mạ 25 ngày) thu hoạch trong tháng VIII, đầu tháng IX.

Về giống lúa để làm 2 vụ, bắt buộc phải có giống ngắn ngày và cực ngắn ngày (85—110 ngày) còn chỉ tiêu bị úng ngập chỉ ở vị trí thứ yếu trong khi chọn vì trong vụ đông xuân, khả năng ngập hầu hết như không có; còn vụ hè thu khả năng ngập nhiều nhất là lúa, lúa đã ở thời kỳ chín, lúc này vẫn đề chịu ngập úng của giống không phát huy hiệu quả nữa.

Đề đạt được mục tiêu 225 ngàn tấn lương thực năm 1987 và 280 ngàn tấn năm 1990 theo chương trình lương thực thực phẩm (1986—1990) của tỉnh Đak Lak phải kết hợp chặt chẽ giữa thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích trồng lúa nước với điều kiện KTTV vùng này một cách hợp lý./.